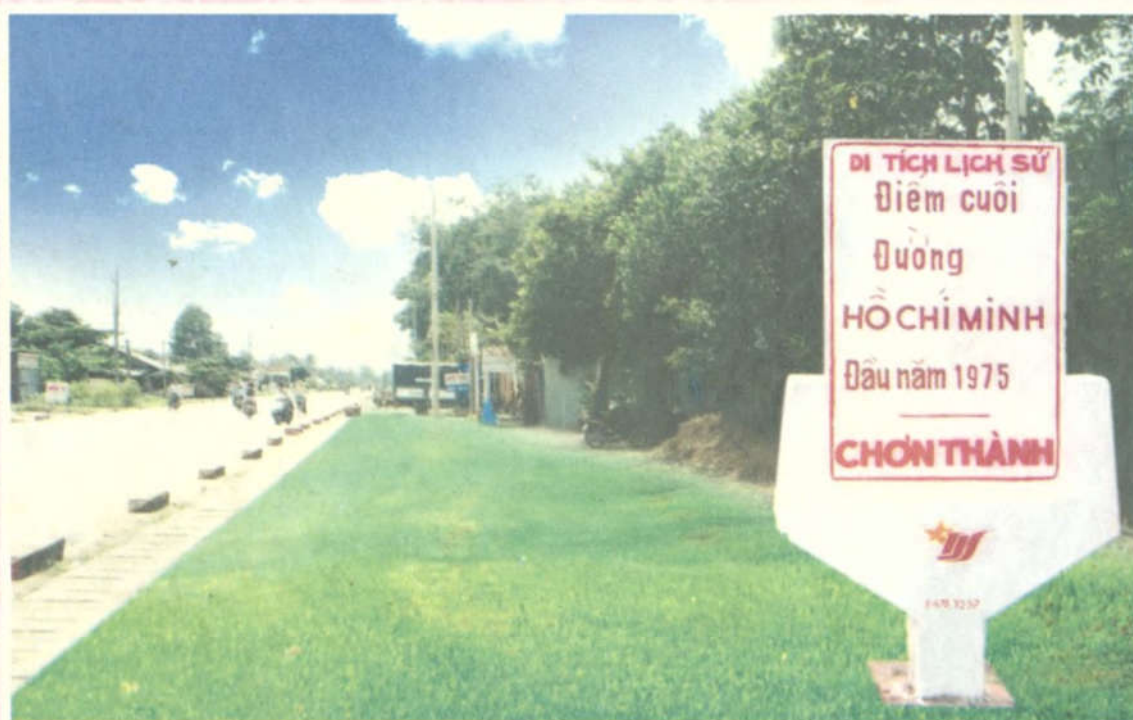


ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN CHƠN THÀNH

75 năm đấu tranh và xây dựng
(1930 - 2005)

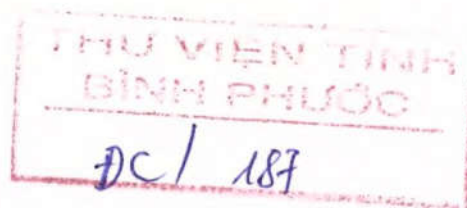


**ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN
CHỐN THÀNH
75 năm đấu tranh và xây dựng
(1930 - 2005)**

Mã số: 3K1(V)
CTQG - 2005

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN
CHƠN THÀNH
75 năm đấu tranh và xây dựng
(1930 - 2005)**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2005

Ban chỉ đạo biên soạn

NGUYỄN VĂN TÍNH - Bí thư Huyện ủy, Trưởng ban

PHẠM THỊ BÍCH ĐÔNG - Phó Bí thư thường trực Huyện ủy,
Phó ban

TRẦN VĂN HUỲNH - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND
huyện, Ủy viên

NGUYỄN TRỌNG SƠN - Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban
Tuyên giáo Huyện ủy, Ủy viên

NGUYỄN VĂN DŨNG - Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban
Tổ chức Huyện ủy, Ủy viên

Ban biên soạn

TS. HÀ MINH HỒNG (*Chủ biên*)

PGS - TS. VÕ VĂN SEN

TS. LÊ HỮU PHƯỚC

ThS. NGUYỄN THANH HẢI

ThS. HUỲNH ĐỨC THIỆN

HÀ KIM PHƯƠNG

LƯU VĂN QUYẾT

ĐỖ THỊ HÀ

LÊ ANH TUẤN

TRẦN KHẮC TUẤN

DOÃN ĐỨC THÀNH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Huyện Chơn Thành thuộc tỉnh Bình Phước là một vùng đất giàu truyền thống cách mạng. Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo, nhân dân Chơn Thành đã một lòng một dạ sắt son theo Đảng, đoàn kết đấu tranh kiên cường chống áp bức, bóc lột của thực dân đế quốc, phong kiến, và đã cùng với nhân dân cả nước giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám 1945, rồi tiếp nối 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, lập nên nhiều chiến công vẻ vang, góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, giải phóng quê hương, thống nhất đất nước.

Từ sau ngày quê hương được giải phóng, Đảng bộ và nhân dân Chơn Thành lại tiếp tục bước vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố an ninh quốc phòng vững chắc, đoàn kết phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, xây dựng quê hương Chơn Thành giàu mạnh, văn minh trên vùng đất giàu tiềm năng, giàu truyền thống cách mạng.

Nhằm ghi lại quá trình xây dựng và phát triển của Đảng bộ huyện Chơn Thành, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ với phong trào đấu tranh cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của quân và dân Chơn Thành trong

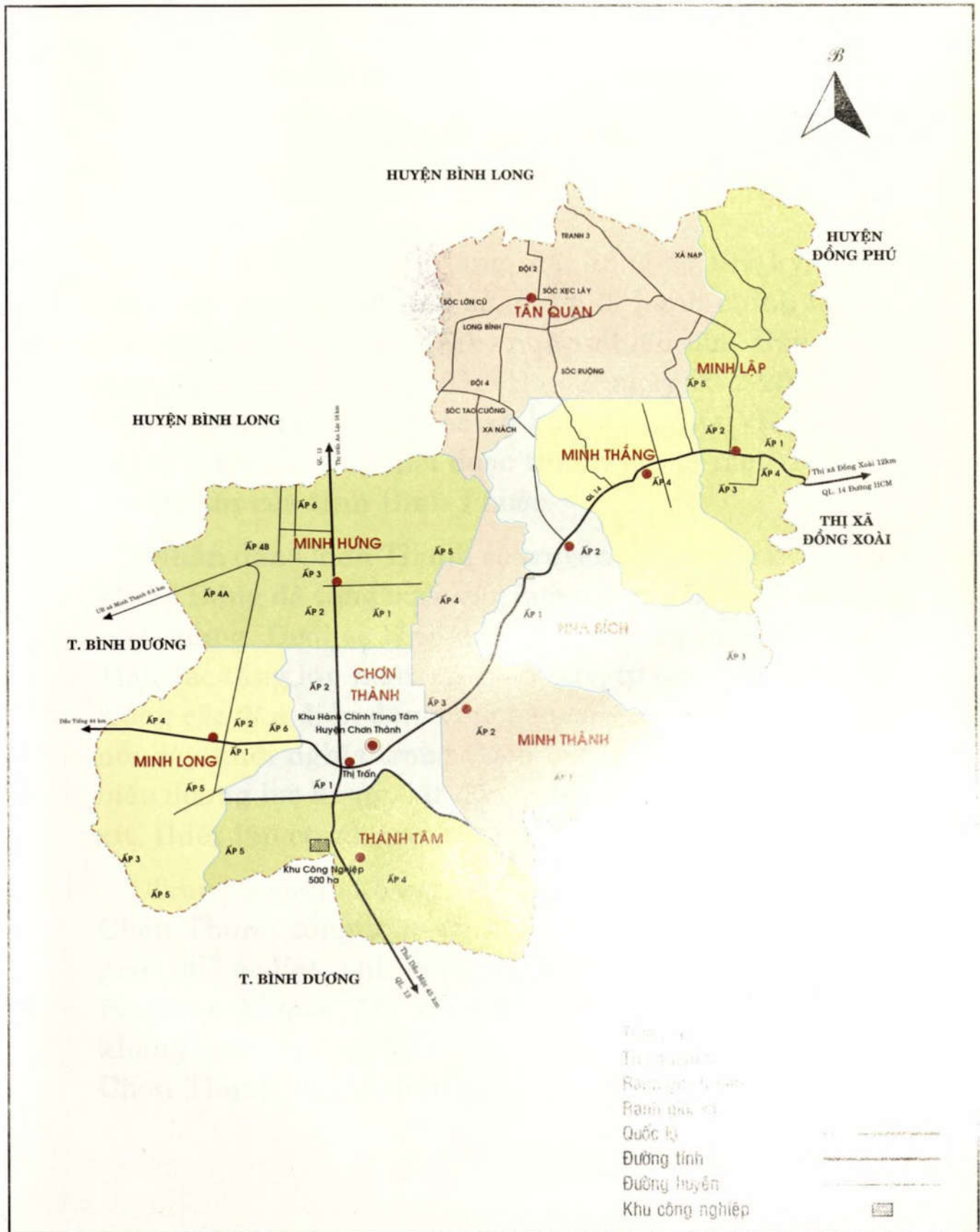
giai đoạn 1930-2005 và để góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ tiếp theo, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chơn Thành phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN CHƠN THÀNH 75 NĂM ĐẤU TRANH VÀ XÂY DỰNG (1930-2005).

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, công phu. Song do các sự kiện lịch sử đã diễn ra quá lâu, trong điều kiện chiến tranh, tư liệu thành văn thiếu thốn, nhiều nhân chứng lịch sử đã qua đời, nên cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 9 năm 2005
NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN CHƠN THÀNH TỈNH BÌNH PHƯỚC



LỜI NÓI ĐẦU

Chơn Thành là đất làng, đất tổng từ thế kỷ XIX. Trải qua các thời kỳ lịch sử, địa giới hành chính Chơn Thành được thay đổi, tách, nhập nhiều lần. Đến nay, theo Nghị định số 17/2003/NĐ - CP ngày 20-2-2003 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, huyện Chơn Thành mới được thành lập là một trong 8 huyện, thị của tỉnh Bình Phước.

Nhân dân Chơn Thành có truyền thống yêu nước. Từ khi có Đảng đã từng bước gây dựng phong trào đấu tranh cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thủ Dầu Một, các tầng lớp nhân dân nơi đây, từ người công nhân trong các đồn điền đến đồng bào các dân tộc thiểu số đã nổi dậy khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám 1945, biểu dương lực lượng, lật đổ chính quyền thực dân, phát xít, thiết lập chính quyền cách mạng.

Trong 30 năm kháng chiến (1945-1975), quân và dân Chơn Thành cùng toàn tỉnh, toàn miền vượt qua nhiều gian khổ ác liệt, anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Đặc biệt là trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Chơn Thành là nơi diễn ra nhiều trận đánh quyết liệt

trên quốc lộ 13 và 14, lập nên những chiến công vang dội, làm cho kẻ thù khiếp sợ.

Từ sau ngày giải phóng, Đảng bộ và nhân dân Chơn Thành bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, Đảng bộ và nhân dân nơi đây đã, đang thu được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng, từng bước đưa Chơn Thành phát triển đi lên.

Truyền thống trong đấu tranh và xây dựng của Đảng bộ, nhân dân huyện Chơn Thành là sự kế thừa truyền thống dựng nước, giữ nước của các thế hệ đi trước. Nó cần được lưu giữ để giáo dục cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Việc sưu tầm, biên soạn cuốn lịch sử về truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân trong huyện là rất cần thiết để làm tư liệu lịch sử phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, làm cơ sở cho niềm tự hào về truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm, đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Với ý nghĩa đó, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chơn Thành chỉ đạo biên soạn cuốn lịch sử **ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN CHƠN THÀNH 75 NĂM ĐẤU TRANH VÀ XÂY DỰNG (1930-2005)** nhằm ghi lại quá trình đấu tranh cách mạng và xây dựng quê hương của Đảng bộ và nhân dân Chơn Thành trong bảy mươi năm qua, đồng thời để thiết thực kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2005 của đất nước và chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện Chơn thành nhiệm kỳ 2005 - 2010.

Mặc dù Ban biên soạn đã có nhiều cố gắng trong việc sưu tầm và gặp gỡ các nhân chứng, thu thập tài liệu, đối chiếu và xác minh tư liệu; Song, do các sự kiện lịch sử đã diễn ra quá lâu, trong điều kiện chiến tranh, tư liệu thành văn thiếu thốn, địa giới hành chính của huyện lại bị tách nhập nhiều lần, nên chắc chắn cuốn sách chưa đầy đủ và không tránh khỏi sai sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của đồng bào, đồng chí và bạn đọc, để lần tái bản sau cuốn sách được đầy đủ và chính xác hơn.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí cách mạng lão thành, nhân chứng lịch sử của huyện trong các thời kỳ đấu tranh cách mạng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện qua các thời kỳ đã dành nhiều tâm huyết và cung cấp những tư liệu quý giá, toàn thể đồng bào, đồng chí đã đóng góp cho sự nghiệp cách mạng ở Chợ Thành suốt mấy chục năm qua và Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã giúp chúng tôi hoàn thành và cho ra mắt bạn đọc cuốn sách này.

Tháng 9 năm 2005

BAN THƯỜNG VỤ
HUYỆN ỦY CHỢ THÀNH

Chương Một

ĐẤT VÀ NGƯỜI CHƠN THÀNH

I. CHƠN THÀNH QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Truyện kể rằng: một lần trong tình thế khó khăn khi chạy đến địa phận Chơn Thành ngày nay, Nguyễn Ánh đã được nhân dân địa phương giúp đỡ lương thực và che chở. Sau này khi lên ngôi, Gia Long nhớ đến và đặt tên cho vùng đất có những người chân tình, thành thật ấy là Chân Thành (đọc trại là Chơn Thành) để ghi ơn cứu mạng của người dân nơi đây.

Đến thế kỷ XIX, nhà Nguyễn chia vùng đất Nam Bộ thành 6 tỉnh (còn gọi miền Lục tỉnh); địa bàn Chơn Thành và toàn bộ vùng Đồng Nai, Sông Bé lúc đó thuộc tỉnh Biên Hòa.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược và chia Nam Kỳ thành 4 khu vực: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bát Xắc, trong đó khu vực Sài Gòn lại được chia thành các tiểu khu; vùng đất phía Tây và Nam sông Sài Gòn (trong đó có Chơn Thành) thuộc tiểu khu Thủ Dầu Một (năm 1889, thực dân Pháp đổi tiểu khu Thủ Dầu Một thành tỉnh Thủ Dầu Một).

Đầu thế kỷ XX, vùng đất Chơn Thành nằm trong

quận Hớn Quản tỉnh Thủ Dầu Một. Chơn Thành lúc này có 4 làng người kinh (gồm Tân Lập Phú, Tân Quan, Tân Khai, Tân Thạnh nằm trong tổng Tân Minh do tổng Hiễn làm Tổng trưởng) và một số phum, sóc dân tộc thiểu số (nằm trong tổng Lâm Can ở phía Tây do tổng Mé làm Tổng trưởng và tổng Lâu Sơn ở phía Đông do tổng Thức làm Tổng trưởng). Địa giới hành chính này duy trì đến sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 và thời kỳ đầu chính quyền Ngô Đình Diệm.

Về phía cách mạng, năm 1951, sát nhập hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên, Chơn Thành thuộc quận Hớn Quản, tỉnh Thủ Biên.

Tháng 10-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm cho tách một số vùng ở phía Bắc của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa để lập hai tỉnh mới là Bình Long và Phước Long. Tỉnh Bình Long được thành lập theo Sắc lệnh số 143/NV (ngày 22-10-1956) gồm ba quận: An Lộc, Lộc Ninh và Chơn Thành. Như vậy, với việc thành lập tỉnh Bình Long, địa danh Chơn Thành xuất hiện với quy mô hành chính cấp quận (tuy nhiên, đến ngày 27-1-1964, quận Chơn Thành mới chính thức được ra đời).

Tháng 10-1961, để phù hợp với tình hình chỉ đạo địa bàn hoạt động tương ứng với phân chia hành chính của chính quyền Sài Gòn, Trung ương Cục miền Nam cho tách Bình Long khỏi tỉnh Thủ Biên để thành lập một tỉnh mới là tỉnh Bình Long gồm 3 quận có phiên hiệu theo số là: C45 - Chơn Thành, C55 - Hớn Quản và C65 - Lộc Ninh.

Ngày 30-1-1971, do yêu cầu chỉ đạo kháng chiến, Trung ương Cục giải thể Khu 10, thành lập Phân khu Bình Phước gồm hai tỉnh Bình Long và Phước Long. Cuối năm 1972, lại giải thể Phân khu Bình Phước và thành lập tỉnh Bình Phước. Quận Chơn Thành (C45) thuộc Phân khu Bình Phước (từ 1972 là tỉnh Bình Phước), gồm các xã, ấp như Hưng Long (8 ấp), Minh Hòa (3 ấp); nhưng trong thực tế các đội mũi công tác vẫn bám theo nhân dân trên địa bàn của các xã cũ là Hưng Long, Minh Thạnh, Minh Hòa, Nha Bích, Tân Quan, Tân Khai...

Sau ngày giải phóng miền Nam, địa giới hành chính cũ được duy trì. Nhưng đến đầu năm 1977, theo Nghị định 55/CP ký ngày 11-3-1977 về việc hợp nhất 3 quận An Lộc, Lộc Ninh và Chơn Thành thành huyện Bình Long. Chơn Thành trở thành một phần của huyện Bình Long, một huyện khá lớn nằm sát biên giới, ở phía Bắc tỉnh Sông Bé.

Tháng 3-1978, theo Nghị định 34/CP của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ngày 9-2-1978, lại tách thị trấn Lộc Ninh và một số xã phía Bắc sát biên giới để thành lập huyện Lộc Ninh. Huyện Bình Long còn lại (trong đó có Chơn Thành) vẫn là huyện lớn của tỉnh Sông Bé, gồm 19 xã và 2 thị trấn (Chơn Thành và An Lộc).

Đầu năm 2003, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị định số 17/2003/NĐ-CP ngày 20-2-2003, về việc thành lập huyện Chơn Thành và Bù Đốp thuộc tỉnh Bình Phước. Theo Nghị định này,

huyện Chơn Thành mới được thành lập (Lễ công bố ngày 2-5-2003) gồm 7 xã (Minh Long, Minh Thành, Tân Quan, Nha Bích, Minh Lập, Minh Thắng, Minh Hưng) và thị trấn Chơn Thành.

Giữa năm 2005, theo Nghị định số 60/2005/NĐ-CP ngày 16-5-2005 của Chính phủ, huyện Chơn Thành có thêm một xã mới được thành lập là xã Thành Tâm. Như thế đến nay, huyện Chơn Thành có 8 xã và 1 thị trấn, với diện tích 41.457,8 ha, dân số hơn 61.200 người.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, Chơn Thành từ một vùng đất hoang vu, được khai phá và trở thành nơi có những lớp người đến sinh sống, hình thành cộng đồng xã hội, có những truyền thuyết thấm đượm tình người.

Sự hình thành đơn vị hành chính và những thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ, chứng tỏ Chơn Thành có vị trí quan trọng đối với cả địch và ta trong chiến tranh, cũng như trong quá trình thực hiện những chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh đất nước trong thời kỳ hòa bình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI VÀ DÂN CƯ

1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và kinh tế

Huyện Chơn Thành nằm ở phía Tây của tỉnh Bình Phước, phía Bắc giáp huyện Bình Long, phía Nam giáp huyện Bến Cát, Phú Giáo, phía Đông giáp huyện Đồng Phú, thị xã Đồng Xoài, phía Tây giáp huyện Dầu Tiếng (tỉnh Bình Dương). Thị trấn Chơn Thành là trung tâm

chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện, nằm cách thị xã Đồng Xoài về phía Đông khoảng 35km, cách thị xã Thủ Dầu Một (Bình Dương) về phía Bắc khoảng 50km và cách thành phố Hồ Chí Minh về phía Tây Bắc hơn 85 km.

Chơn Thành án ngữ phía Nam Tây Nguyên và Đông Bắc Sài Gòn, nơi có hai quốc lộ 13 và 14, những đường giao thông quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chạy qua và giao nhau ở trung tâm thị trấn của huyện. Hai quốc lộ này chạy gần như qua tất cả các xã trong huyện, đồng thời là những huyết mạch nối liền các tỉnh biên giới miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài hai trục đường chính, Chơn Thành còn có nhiều tuyến đường liên xã, hình thành một mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa trong và ngoài huyện.

Chơn Thành như một “khu đệm” nối liền phía Bắc và Đông Bắc Sài Gòn với vùng đồi núi thấp ở cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, nối tiếp với vùng biên giới Campuchia. Chơn Thành cùng với huyện Bình Long, Lộc Ninh đã trở thành bàn đạp vững chắc của cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nơi có thể tiếp nhận nguồn chi viện từ hậu phương cũng như nguồn cung cấp vật chất vô cùng to lớn của nhân dân trong vùng địch tạm chiếm, đồng thời có thể phát triển thế tiến công xuống vùng đồng bằng và đô thị.

Là huyện trung du, địa hình Chơn Thành thoải thoải, độ cao trung bình từ 50 đến 55m. Vùng đất đỏ bazan ở phía Đông Bắc, vùng tiếp giáp với địa hình đồi thấp lượn sóng của huyện Bình Long có độ cao 70m. Còn lại là vùng đất xám phát triển trên phù sa cổ có địa hình thấp, độ cao so với mặt nước biển khoảng 50m, thấp nhất là 45m. Đất xám chiếm hơn 87% diện tích, đất đỏ 10%, đất dốc tụ và đất sông suối ao hồ chiếm phần còn lại.

Nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt ở Chơn Thành được cung cấp bởi nguồn nước ngầm và hàng chục dòng suối lớn nhỏ chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, thuận tiện cho việc khai khẩn đất hoang thành ruộng vườn canh tác và chăn nuôi.

Chơn Thành nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ với hai mùa mưa và khô rõ rệt (mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau). Lượng mưa trung bình hàng năm khá cao từ 2000 – 3000 mm/năm. Hướng gió chính là hướng Đông Bắc vào mùa khô và hướng Tây Nam vào mùa mưa. Nhiệt độ trung bình khoảng 26°C, nhưng có chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm cao từ 7 – 9°C. Biên độ chênh lệch này thuận lợi cho việc tăng năng suất cây trồng, vật nuôi trên địa bàn.

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 41.457,8 ha. Theo thống kê năm 2003, diện tích đất sử dụng vào các mục đích phát triển kinh tế – xã hội là 40.762,37 ha

chiếm 98,23% tổng quỹ đất; trong đó đất dùng cho sản xuất nông nghiệp là 38.838,20 ha chiếm tới 95,27% diện tích đất đưa vào khai thác sử dụng. Chất đất ở đây thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như tiêu, điều, cao su. Cây cao su trồng trên đất đỏ bazan có chu kỳ kéo dài, sản lượng mủ cao hơn so với cây cao su trồng trên đất xám. Đất bazan cũng thích hợp cho nhiều loại hoa màu, lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày.

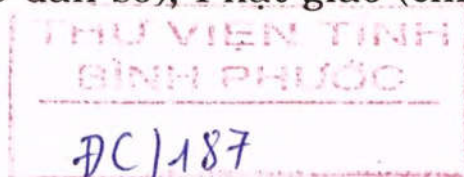
Hiện nay trên địa bàn huyện có một Công ty cao su (ở xã Minh Thành) và hai nông trường cao su (ở Minh Hưng và Xa Trạch). Ngoài ra còn có ba doanh nghiệp nước ngoài: Công ty KMC, Công ty Vinahamic, Công ty Đặng Nguyên.

2. Đời sống dân cư, dân tộc, tôn giáo

Dân số toàn huyện tính đến giữa năm 2005 là hơn 61.200 người với gần 13.600 hộ; trong đó hộ nông thôn khoảng hơn 10.600 (73%) và hộ thành thị khoảng 3.000 (27%); mật độ dân số trung bình là 143 người/km².

Cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện Chơn Thành gồm khoảng 10 dân tộc anh em như: Kinh, XTiêng, Khơme, Tàmun, Châu Ro, Hoa... trong đó các dân tộc thiểu số chiếm khoảng hơn 8% dân số. Có 3 sóc dân tộc XTiêng (ở xã Tân Quan) là sóc Ruộng, sóc Tranh trên, sóc Tranh dưới.

Trên địa bàn huyện có ba tôn giáo chính là Công giáo (chiếm hơn 10% dân số), Phật giáo (chiếm khoảng



3% dân số), Tin Lành (chiếm khoảng gần 4% dân số). Ngoài ra còn một số ít người theo các tôn giáo khác như Cao Đài, Hoà Hảo, Đạo Hồi. Toàn huyện có hơn 30 cơ sở thờ tự...

Các dân tộc ở Chơn Thành không cùng một thời điểm tụ cư, nhưng trải qua quá trình lịch sử đã trở thành một cộng đồng cố kết lâu đời.

Khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, trên vùng đất Chơn Thành đã có những lớp cư dân đầu tiên đến sinh sống. Theo truyền thuyết, họ gồm cả người Việt, XTiêng, Khơme, Hoa chung sống và đùm bọc lẫn nhau, biết giúp kẻ hoạn nạn, luôn trọng những người có công khai phá hay người hiền tài, có nghĩa khí, họ tạo dựng xóm làng. Mỗi bộ phận dân cư đóng góp vào đời sống văn hóa địa phương những đặc trưng riêng và làm phong phú thêm truyền thống văn hóa, lịch sử trên quê hương Chơn Thành.

Người XTiêng lúc đầu thường sống trong các ngôi nhà sàn, sau này họ chuyển sang sống trong các căn nhà trệt. Nhà ở của họ rất đơn sơ, chủ yếu làm bằng những vật liệu tranh, tre, nứa lá, lô ô và gỗ, nếu là nhà sàn thì chỉ có một cầu thang lên xuống. Các loại dụng cụ sinh hoạt trong gia đình, công cụ sản xuất, vũ khí dùng cho săn bắn phần lớn được làm từ cây rừng. Xưa kia, người XTiêng, Tàmun chỉ biết cởi trần vận khố, nhưng ngày nay mọi người đều ăn mặc cải tiến hơn, nam quần âu áo sơ mi, nữ mặc váy áo sơ mi. Trong các ngày lễ chị em

thường mặc những chiếc xà rồng có văn hoa sắc sỡ và tinh tế, thể hiện sự khéo léo.

Người XTiêng có hai ngày lễ lớn, là lễ cúng rẫy vào đầu năm và lễ cúng lúa vào cuối năm. Lễ cúng rẫy được tổ chức vào tháng 3 hay tháng 4 âm lịch hàng năm, là mùa phát rẫy làm nương, mở đầu cho một năm làm ăn mới. Đồng bào tổ chức lễ “cúng rẫy” để cầu xin “Giàng” – ông trời, ban cho mưa thuận gió hòa, đem đến một vụ mùa bội thu và cầu mong mọi người trong sóc, trong buôn được khỏe mạnh, ấm no, sống vui vẻ, hạnh phúc... Lễ cúng lúa là lễ lớn nhất trong năm, tổ chức vào khoảng tháng 10 âm lịch, là lúc gặt lúa, rước lúa về sóc. Đây là thời điểm giao mùa (cuối mùa mưa, bắt đầu chuyển qua mùa khô), kết thúc một năm làm rẫy khó nhọc và mừng mùa thu hoạch. Trong ngày lễ “cúng lúa”, đồng bào giết heo, bò, đâm trâu, lấy phần đầu làm vật phẩm để cúng tế trời đất, sau đó chia nhau một cách bình đẳng. Họ ăn chung và cùng nhau vui chơi, nhảy múa, ca hát. Góp vui trong ngày lễ có các nhạc cụ dân tộc như: cây đàn Đinh (làm bằng thân cây lô ô và trái bầu), cồng chiêng, trống và sáo.

Người XTiêng quan niệm “Giàng” (ông trời) là biểu tượng của mọi uy quyền, là sức mạnh vô biên. Chính vì thế mà khi bị bệnh tật, ốm đau, thiên tai, địch họa giáng xuống họ đều cầu xin ông trời phù hộ, cứu giúp họ, mong cho tai qua nạn khỏi. Trong quan hệ hôn nhân của người XTiêng ở Chơn Thành, truyền thống mẫu hệ còn được bảo lưu trong một số tập tục, nhưng dần dần đã chuyển sang

chế độ phụ hệ ở một số hình thức quan trọng.

Người XTiêng khéo tay và giàu óc sáng tạo, thể hiện rõ nét trong kỹ thuật chế tác, đan lát, dệt gọt, nhất là nghề dệt cổ truyền của phụ nữ. Những chiếc xà rồng với mô típ trang trí tinh vi, sinh động thể hiện tài năng, óc thẩm mỹ, tâm tư, nguyện vọng cùng những ước mơ cao đẹp của người phụ nữ XTiêng trong cuộc sống thường nhật.

Người XTiêng chất phát, cần cù, chịu thương chịu khó, tâm hồn bay bổng, thích sống tự do. Họ sống gần gũi thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Điều này không chỉ ở trong phạm vi một nhà, một sóc mà cả dân tộc, cả cộng đồng dân cư. Cả dân tộc cùng chung một dòng họ “Điêu”, sống thủy chung trong tình cảm vợ chồng, căm ghét cái ác độc, dối trá xảo quyệt, quý trọng sự thật thà, chân thực...

Người Khơme cũng là cư dân cư trú lâu đời trên mảnh đất này. Họ sống tập trung trong các phum, có thể chỉ năm, ba gia đình cũng hình thành một phum nhỏ. Nhà sàn của người Khơme có kiến trúc gần với kiến trúc nhà của Ấn Độ. Ngày nay nhiều gia đình ở nhà trệt và có một số sinh hoạt giống như người Kinh. Người Khơme thường làm rẫy, săn thú, nuôi trâu, bò làm sức kéo phục vụ cho sản xuất và chuyên chở hàng hóa. Một bộ phận người Khơme sống bằng nghề buôn bán, những người này thường dùng voi để làm phương tiện đi lại và vận chuyển hàng hóa. Hiện nay người Khơme biết làm ruộng và nhiều nghề khác.

Vào tháng 3 tháng 4 âm lịch, người Khơme thường

tổ chức cúng rẫy và mừng lúa mới vào cuối năm. Ngày lễ cúng rẫy, người Khơme cúng chay bằng hoa quả, xôi nếp; ngày lễ cúng lúa mới thì có cúng mặn. Người Khơme thờ Phật, thờ tổ tiên, tu nhân tích đức để mong được lên cõi Niết bàn. Khi chết họ đốt xác (hỏa thiêu) lấy tro đặt trong các chùa, gần tượng Phật để linh hồn được siêu thoát nơi miền Cực lạc.

Người Tàmun, Châu Ro, Hoa ở Chơn Thành không đông và sống xen kẽ với các dân tộc khác, nhiều nơi chung với nhau trong một buôn, sóc, thôn, ấp. Trong hoạt động sản xuất cũng như trong các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng, người Tàmun, Châu Ro, Hoa, cũng như XTiêng, Khơme, Việt có sự giao lưu hòa hợp với nhau. Họ có tinh thần đoàn kết, keo sơn, gắn bó, chung lưng đấu cật cùng chinh phục thiên nhiên, chống thiên tai địch họa, góp phần xây dựng cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc.

Người Việt (Kinh) đến vùng đất này cũng gồm nhiều thành phần và từ nhiều địa phương khác nhau và trong những hoàn cảnh khác nhau. Có bộ phận là những nông dân nghèo, sống cực khổ không chịu nổi sự áp bức bóc lột của bọn địa chủ cường hào, ác bá, phải bỏ làng ra đi kiếm kế sinh nhai. Có bộ phận là lớp dân phu cao su (dân “Công tra”) từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Hưng Yên, Hải Dương... bị đẩy vào con đường cùng cực phải đi bán sức lao động cho tư bản. Lại có bộ phận người dân di cư từ miền Bắc vào Nam, hoặc bị dồn dân theo chính sách bình định của chính quyền cũ trong thời kỳ chiến tranh.

chế độ phụ hệ ở một số hình thức quan trọng.

Người XTiêng khéo tay và giàu óc sáng tạo, thể hiện rõ nét trong kỹ thuật chế tác, đan lát, dệt gọt, nhất là nghề dệt cổ truyền của phụ nữ. Những chiếc xà rồng với mô típ trang trí tinh vi, sinh động thể hiện tài năng, óc thẩm mỹ, tâm tư, nguyện vọng cùng những ước mơ cao đẹp của người phụ nữ XTiêng trong cuộc sống thường nhật.

Người XTiêng chất phát, cần cù, chịu thương chịu khó, tâm hồn bay bổng, thích sống tự do. Họ sống gần gũi thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Điều này không chỉ ở trong phạm vi một nhà, một sóc mà cả dân tộc, cả cộng đồng dân cư. Cả dân tộc cùng chung một dòng họ “Điêu”, sống thủy chung trong tình cảm vợ chồng, căm ghét cái ác độc, dối trá xảo quyệt, quý trọng sự thật thà, chân thực...

Người Khơme cũng là cư dân cư trú lâu đời trên mảnh đất này. Họ sống tập trung trong các phum, có thể chỉ năm, ba gia đình cũng hình thành một phum nhỏ. Nhà sàn của người Khơme có kiến trúc gần với kiến trúc nhà của Ấn Độ. Ngày nay nhiều gia đình ở nhà trệt và có một số sinh hoạt giống như người Kinh. Người Khơme thường làm rẫy, săn thú, nuôi trâu, bò làm sức kéo phục vụ cho sản xuất và chuyên chở hàng hóa. Một bộ phận người Khơme sống bằng nghề buôn bán, những người này thường dùng voi để làm phương tiện đi lại và vận chuyển hàng hóa. Hiện nay người Khơme biết làm ruộng và nhiều nghề khác.

Vào tháng 3 tháng 4 âm lịch, người Khơme thường

tổ chức cúng rẫy và mừng lúa mới vào cuối năm. Ngày lễ cúng rẫy, người Khơme cúng chay bằng hoa quả, xôi nếp; ngày lễ cúng lúa mới thì có cúng mặn. Người Khơme thờ Phật, thờ tổ tiên, tu nhân tích đức để mong được lên cõi Niết bàn. Khi chết họ đốt xác (hỏa thiêu) lấy tro đặt trong các chùa, gần tượng Phật để linh hồn được siêu thoát nơi miền Cực lạc.

Người Tàmun, Châu Ro, Hoa ở Chơn Thành không đông và sống xen kẽ với các dân tộc khác, nhiều nơi chung với nhau trong một buôn, sóc, thôn, ấp. Trong hoạt động sản xuất cũng như trong các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng, người Tàmun, Châu Ro, Hoa, cũng như XTiêng, Khơme, Việt có sự giao lưu hòa hợp với nhau. Họ có tinh thần đoàn kết, keo sơn, gắn bó, chung lưng đấu cật cùng chinh phục thiên nhiên, chống thiên tai địch họa, góp phần xây dựng cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc.

Người Việt (Kinh) đến vùng đất này cũng gồm nhiều thành phần và từ nhiều địa phương khác nhau và trong những hoàn cảnh khác nhau. Có bộ phận là những nông dân nghèo, sống cực khổ không chịu nổi sự áp bức bóc lột của bọn địa chủ cường hào, ác bá, phải bỏ làng ra đi kiếm kế sinh nhai. Có bộ phận là lớp dân phu cao su (dân “Công tra”) từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Hưng Yên, Hải Dương... bị đẩy vào con đường cùng cực phải đi bán sức lao động cho tư bản. Lại có bộ phận người dân di cư từ miền Bắc vào Nam, hoặc bị dồn dân theo chính sách bình định của chính quyền cũ trong thời kỳ chiến tranh.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4- 1975), một bộ phận đồng bào từ thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác trong cả nước đến xây dựng vùng kinh tế mới, cùng với một số cán bộ, bộ đội công tác ở Chơn Thành trong kháng chiến, nay hòa bình ở lại làm ăn sinh sống.

Theo quá trình lịch sử, dân cư ở Chơn Thành đông dần lên, gồm nhiều bộ phận và từ nhiều địa phương khác nhau. Nhưng trước hoặc sau, những lớp cư dân đến Chơn Thành qua các thời kỳ đều vì cuộc sống mưu sinh, đều lấy mảnh đất này làm quê hương mới và chung lưng đấu cật, đóng góp sức lực vào xây dựng Chơn Thành ngày càng trở nên tươi đẹp.

Sự đa dạng về thành phần dân cư, phong phú về sắc tộc đã tạo nên bản sắc văn hóa đa dạng, mang tính cộng đồng cao. Những buổi sinh hoạt văn hóa nghệ thuật, những lễ hội cúng được mùa, cúng cầu mưa... tập hợp đông người từ nhiều thôn, ấp, phum, sóc, cùng nhau chung lo công việc và vui chơi. Nó phản ánh quá trình hội tụ giữa đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống từ lâu đời tại địa phương với những người dân nghèo khổ, bị áp bức và bóc lột thậm tệ từ khắp mọi miền đất nước họp lại. Đồng thời đây cũng là quá trình cộng sinh giữa các nền văn hóa, tạo nên nền văn hóa phong phú, thống nhất trong đa dạng. Các dân tộc cùng nhau xây dựng quê hương Chơn Thành ngày càng giàu mạnh, văn minh hơn trong thời kỳ mới.

3. Truyền thống đấu tranh yêu nước

Từ đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp thiết lập các đồn điền An Lộc (thuộc Bình Long) và Xa Trạch (thuộc Chơn Thành), diện tích ban đầu là 1.107 ha. Năm 1908, Công ty cao su Đất Đỏ ra đời, bao gồm nhiều đồn điền ở Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch. Đến năm 1916, theo báo cáo của Hội đồng chính phủ Đông Dương, riêng tỉnh Thủ Dầu Một đã có một diện tích cao su lên tới 14.078 ha. Điều đó cũng có nghĩa là một bộ phận rất lớn đất đai của đồng bào các dân tộc ở đây đã bị kẻ thù chiếm đoạt.

Cùng với sự phát triển nhanh diện tích các đồn điền cao su, thực dân Pháp không ngừng tuyển mộ, lừa bịp nhân dân ở các tỉnh miền Bắc, miền Trung làm cho đội ngũ công nhân trong các đồn điền ngày càng gia tăng. Nhưng đời sống của họ cũng ngày càng khốn khổ. Chế độ làm việc một ngày từ 10 giờ đến 12 giờ (3 giờ sáng kén báo thức, 5 giờ sáng phải tập trung ra điểm danh để lấy mũ cao su, chiều về tới nhà đã 8-9 giờ đêm). Lao động cực nhọc như vậy mà cơm ăn không no, quần áo không lành. Một ngày được chủ Tây chia cho 800 gram gạo lức, 300 gram khô mắm, giao cho thầy xu phân phát cho công nhân. Bọn thầy xu một phần cắt xén, một phần chọn những thức ăn tốt giữ lại, còn lại gạo xấu, khô mốc chia cho công nhân.

Điều kiện sinh hoạt của họ cũng chẳng mấy sáng sủa: Tối về "... vội vã vác ống nứa ra suối lấy nước và kiếm dăm ba cây củi khô về nhóm lửa nấu cơm. Thế rồi

dần con cá khô nướng lên, khen khét, đắng đắng, ăn chập ăn chuội. Bữa nào khỏe người thì cố kiếm lá bứa ngoài rừng nấu ít canh suông ăn cho đỡ xót ruột...”. Chỗ ở “... mỗi làng đồn điền xây dựng mấy dãy Ba-rác, mỗi Ba-rác là chỗ sinh sống của 50 công nhân. Bên trong Ba-rác chúng dùng ván gỗ ngăn thành 10 lán, mỗi lán vuông vức mỗi bề 5 mét. Chúng đồn chia nhau cứ 5 người một lán, ngủ trên sàn gỗ dài, nấu cơm ngay trong lán. Trong lán chật chội đến nỗi chỉ đặt được bàn chân mỗi khi ra vào. Điều kiện vệ sinh lại rất thấp kém. Mưa thì lầy lội, nắng thì chói chang...”. Bên cạnh cuộc sống khó khăn, người công nhân đồn điền phải chịu nhiều hình phạt khắc nghiệt như cúp lương, bớt lương... Những công nhân có vợ đẹp đều bị chủ Tây hành hạ và hăm hiếp, khi bệnh tật không có thuốc điều trị lâu ngày dẫn đến tàn phế, tử vong. Ở các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát ... thuộc Công ty cao su Đất Đỏ tính ra cứ 100 công nhân thì có 19 người chết và 37 người bị bệnh nặng. Người công nhân cao su đã nhận thức rõ rằng: “Hận thù bọn chủ khôn cầm - Càng tươi dòng mủ, càng bầm ruột gan”¹.

Hơn nữa, thực dân và bọn chủ tư bản còn dùng cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện nhằm móc hết tiền lương làm cho người dân phu, người công nhân trắng tay, không thể về quê hương bản xứ. Chúng sử dụng chính sách chia để trị, gây mâu thuẫn oán thù trong lực lượng công nhân.

1. Trần Tử Bình: *Phú Riêng đỏ*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1965, tr. 36.

Chúng mua chuộc một bộ phận người dân tộc thiểu số thật thà chất phác để dùng họ lòng bắt những công nhân trốn trại. Chúng chia rẽ công nhân theo đạo và công nhân không theo đạo hoặc gây mối hiềm khích giữa dân phu cũ và dân phu mới...

Sự áp bức bóc lột cùng cực của chủ đồn điền và tay sai buộc người công nhân cao su phải đấu tranh chống lại chúng. Công nhân trong các sở, đồn điền đoàn kết cùng các dân tộc XTiêng, MNông, Mạ, Châu Ro... đứng lên chống lại, bảo vệ quyền sống.

Năm 1908, cuộc nổi dậy dưới sự lãnh đạo của ông Điểu Dố – người XTiêng ở sóc Thủ Bồn, Xa Trạch, quận Hớn Quản đã thu hút đông đảo đồng bào các dân tộc XTiêng, Châu Ro, Mạ, Tàmun, Khơme hưởng ứng, đoàn kết cùng nhau đánh giặc Pháp chiếm buôn làng. Tuy vũ khí còn rất thô sơ (cung tên, giáo mác, cây rừng vót nhọn) nhưng tinh thần chiến đấu của nghĩa quân Điểu Dố rất dũng cảm. Điểu Dố lập căn cứ ở Núi Gió (Quản Lợi), chỉ huy nghĩa quân đánh các bót ở Hớn Quản, Bù Đốp và hoạt động ở nhiều nơi khác. Thực dân Pháp hoảng sợ, nhiều lần mở các cuộc chống trả quyết liệt. Trước sức mạnh áp đảo cả về quân số lẫn vũ khí của giặc, nghĩa quân Điểu Dố rút về Long Nguyên (Bến Cát). Bị giặc truy đuổi ráo riết và khép chặt vòng vây, Điểu Dố cùng nghĩa quân quyết tâm chiến đấu đến cùng, không khuất phục kẻ thù, để lại hình ảnh hy sinh anh dũng của người thủ lĩnh nghĩa quân trong các tầng lớp đồng bào.

Tiếp theo cuộc khởi nghĩa của Điểu Dố ở Xa Trạch, đồng bào các dân tộc ở khu vực Chơn Thành, Bình Long, Lộc Ninh ngày nay vùng lên hưởng ứng cuộc khởi nghĩa do Nơ Trang Long lãnh đạo. Năm 1912, khởi nghĩa của Nơ Trang Long lãnh đạo đã phát triển rộng rãi trong vùng Bà Rá, Hớn Quản, Chơn Thành, Phú Riềng.... Bằng vũ khí rất thô sơ gồm cung tên, giáo mác, cây rừng vót nhọn, nhưng với tinh thần chiến đấu dũng cảm, nghĩa quân làm cho quân Pháp nhiều phen kinh hồn bạt vía.

Từ năm 1918-1923, liên tiếp các cuộc nổi dậy của đồng bào các dân tộc thiểu số kết hợp với công nhân trong các đồn điền cao su và có lúc lan rộng sang cả vùng bên kia biên giới.

Năm 1925, Quận trưởng quận Hớn Quản chỉ huy làm tiếp con đường 14 từ cao nguyên xuống. Dân xung quanh vùng bị đẩy vào cảnh vô cùng khốn khổ. Trai tráng thanh niên, người khỏe mạnh bị bắt đi làm phu, nhà cửa bị phá, người người phải phiêu tán khỏi buôn làng, xa nguồn nước, phải bỏ nương rẫy hoa màu, lúa chín. Căm phẫn trước hành động tước đoạt tàn ác của kẻ thù, được sự hướng dẫn của các già làng trong buôn, đông đảo bà con ở Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh đã chống lại lệnh quận trưởng, tổ chức chặn đánh số lính đi thúc ép đồng bào. Tuy bị giặc đàn áp hết sức dã man, nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân không vì thế mà bị dập tắt, khiến cho việc làm con đường này có lúc bị ngưng trệ.

Phong trào đấu tranh của nhân dân nơi đây nổ ra ngày một nhiều hơn, làm cho thực dân Pháp phải đối phó liên tục. Nhưng do lực lượng ít, vũ khí thô sơ, lại diễn ra lẻ tẻ nên hầu hết các cuộc khởi nghĩa đều thất bại. Mặc dù vậy, các cuộc khởi nghĩa đã thể hiện được tinh thần anh dũng, kiên cường của đồng bào các dân tộc trên vùng đất này.

Chương Hai

CHƠN THÀNH VỚI CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930-1945)

I. CHƠN THÀNH BƯỚC VÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG DƯỚI NGỌN CỜ CỦA ĐẢNG

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa nhằm hàn gắn vết thương chiến tranh tại chính quốc. Chúng tăng cường đầu tư vào nông nghiệp, tiến hành lập các đồn điền cao su. Ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ, diện tích đồn điền cao su tăng nhanh. Năm 1914, diện tích cao su trong toàn miền Đông mới có 15.000 ha, đến năm 1929 tăng lên 83.332ha. Đi đôi với việc gia tăng diện tích, là sự phát triển về số lượng của đội ngũ công nhân cao su tại Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh. Tính từ năm 1914 đến 1955, riêng Công ty cao su đất đỏ Bình Long đã chiêu mộ được 421.000 dân phu¹.

Cũng như công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp,

1. Đảng bộ huyện Bình Long: *Bình Long truyền thống đấu tranh và xây dựng 1930-2000*, Ban Thường vụ Huyện ủy Bình Long xuất bản năm 2002, tr.31.

đồn điền trong cả nước, công nhân đồn điền cao su ở Chơn Thành, Hớn Quản phải chịu đựng chế độ áp bức, bóc lột vô cùng hà khắc của chính quyền thuộc địa và bọn chủ tư bản Pháp. Một ngày người công nhân phải làm quần quật liên tục không dưới 12 tiếng, nhưng chỉ được trả “đồng lương chết đói” và còn ném đủ mọi hình phạt vô nhân đạo của tư bản thực dân.

Trong hoàn cảnh bị dày dọ, vùi dập, ý thức đấu tranh của công nhân đồn điền luôn sục sôi. Công nhân các làng sở khu vực Chơn Thành, Hớn Quản nhiều lần đứng lên đấu tranh với nhiều hình thức khác nhau như: bỏ trốn, gửi đơn đòi tăng lương giảm giờ làm, bạo động, hoặc bỏ trốn. Theo số liệu thống kê tại Chơn Thành, Bình Long, Lộc Ninh năm 1927 có 3.824 dân phu bỏ trốn, đến năm 1928 số dân phu bỏ trốn tăng lên 4.484 người¹.

Tháng 4 năm 1928, chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Phú Riềng được thành lập gồm 5 người do đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh làm Bí thư. Đây là tổ chức cách mạng có xu hướng cộng sản đầu tiên ở vùng Chơn Thành, Hớn Quản.

Ngay sau khi ra đời, tổ chức này đã trở thành lực lượng lãnh đạo chủ chốt cho phong trào đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ

1. Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Phước: *Lịch sử phong trào công nhân lao động và công đoàn tỉnh Bình Phước (từ trước khi có Đảng đến năm 1975)*, tr.40.

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Phú Riềng, một cuộc bãi công lớn với trên 2.000 công nhân tham gia đã nổ ra ở Phú Riềng vào ngày 20-10-1929. Hưởng ứng phong trào của công nhân Phú Riềng, trong thời gian này, các cuộc đấu tranh ở các đồn điền khác như Xa Cam, Xa Cát, Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Cam Tiên... cũng vùng lên đấu tranh mạnh mẽ.

Ngày 28-10-1929, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Phú Riềng được thành lập, gồm 6 người do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là tổ chức cộng sản đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ. Kể từ đây, phong trào đấu tranh của công nhân cao su và nhân dân Chơn Thành, Hớn Quản bắt đầu có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Dưới sự lãnh đạo của “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên”, phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra sôi nổi ở khắp các đồn điền cao su Xa Trạch, Xa Cam, Xa Cát với nhiều hình thức như: đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập, nữ công nhân nghỉ để được hưởng lương, trả về quê cũ những người hết hạn giao kèo, trả tự do cho những người bị bắt... Trước khí thế ngày càng phát triển của phong trào, bọn chủ đồn điền từng bước buộc phải thi hành những yêu sách của công nhân.

Ngày 3-2-1930, chi bộ Phú Riềng lãnh đạo 5.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng đồng loạt tổng bãi công. Sự kiện “Phú Riềng đỏ” gây rung chuyển cả hệ thống đồn điền cao su ở Đông Dương, chấn động dư luận trong nước và nước Pháp. Ở Chơn Thành, Hớn Quản, thực hiện sự chỉ đạo của chi bộ Đảng, một loạt các tổ chức

quần chúng được ra đời như: nghiệp đoàn, hội tương tế, xích vệ đỏ... làm nhiệm vụ đi đầu, bảo vệ cho các cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su và đồng bào các dân tộc thiểu số.

Trước làn sóng cánh mạng dâng cao, thực dân Pháp tiến hành khủng bố, thẳng tay đàn áp lực lượng cách mạng, đánh phá cơ sở Đảng, quần chúng yêu nước. Tại Phú Riềng, chúng lùng bắt nhiều đảng viên và hơn 100 công nhân, trong đó có cả cán bộ nghiệp đoàn.

Với chính sách khủng bố đẫm máu, thực dân Pháp tưởng đã tiêu diệt và dập tắt được phong trào cách mạng. Nhưng từ năm 1932, phong trào cách mạng bắt đầu được khôi phục. Tại miền Đông Nam Bộ, cuối năm 1932 đầu 1933, những cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng, Biên Hòa lại tiếp tục bùng nổ.

Tại Chợ Thành, Hớn Quản, các cuộc đấu tranh ở các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Quản Lợi đòi quyền dân sinh liên tiếp nổ ra. Thông qua những cuộc đấu tranh này, đội ngũ công nhân được củng cố, kinh nghiệm đấu tranh được tích lũy, nhiều công nhân qua thử thách trở thành cán bộ ưu tú của Đảng. Cuối năm 1933, cùng với việc tên More bị giết tại Phú Riềng (tháng 10-1933), nhân dân Chợ Thành, Hớn Quản nổi dậy tấn công đồn BuKol, tiêu diệt binh lính Pháp đang đồn trú tại đây¹.

1. Đồn BuKol được thực dân Pháp lập ra vào đầu năm 1933, do tên Géc Be làm đồn trưởng. Đây chính là nơi xuất phát của ngụy quân đi càn quét, gây tội ác đối với đồng bào các buôn làng ở khu vực Chợ Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh và biên giới Việt Nam - Campuchia.

Cuối năm 1933, số dân phu “công tra” ở miền Bắc, miền Trung được Pháp mộ đưa vào khá đông, chi bộ Đảng đã điều phối và tổ chức chặt chẽ để anh em công nhân cũ siết chặt hàng ngũ với anh em dân phu mới, tạo nên mối đoàn kết thân tình, làm tăng thêm lực lượng đấu tranh.

Trước tình hình đó, bọn chủ của các đồn điền Xa Cam, Xa Trạch, Hớn Quản, Thuận Lợi bỏ chế độ ăn chung, ở chung giữa những người công nhân, thực hiện chế độ phát gạo cho công nhân về nhà nấu ăn riêng, nhằm ngăn chặn sự tụ tập, đoàn kết, dẫn đến đấu tranh. Nhưng phong trào đấu tranh của công nhân vẫn được đẩy mạnh, khiến giới chủ từng lúc phải thực hiện các yêu sách của anh em công nhân.

Như vậy, trong những năm đầu dưới sự lãnh đạo của chi bộ Phú Riềng, phong trào cách mạng của công nhân cao su trong các đồn điền và nhân dân trong khu vực Chơn Thành, Hớn Quản bước đầu được phát triển, uy tín của chi bộ Đảng Phú Riềng được củng cố, tạo cơ sở vững chắc cho phong trào đấu tranh của nhân dân trong vùng bước sang thời kỳ đấu tranh mới.

Thời kỳ những năm 1929-1933, cuộc khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản lan ra khắp thế giới, làm cho mâu thuẫn xã hội ở các nước đế quốc trở lên sâu sắc, một số nước đế quốc tiến hành thủ tiêu các quyền tự do dân chủ và thi hành chính sách độc tài phát xít, âm mưu chia lại thị trường thế giới.

Tại Chợ Thành, Hớn Quản, cuộc khủng hoảng kinh tế và chính sách đàn áp, vơ vét của chính quyền thuộc địa đẩy nhân dân lao động, đặc biệt là công nhân cao su vào cảnh lầm than, điêu đứng. Các tầng lớp nhân dân bị tước đoạt trắng trợn các quyền dân sinh, dân chủ, đang sôi sục tinh thần đấu tranh vì lợi ích sống còn của mình. Ở các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Quản Lợi, công nhân đứng lên đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, cải thiện điều kiện lao động... buộc bọn chủ đồn điền phải cải thiện chế độ lao động, hạ giờ làm từ 14 giờ xuống 10 giờ. Về đời sống, cùng với bán gạo, chúng buộc phải bán thêm một số thức ăn như nước mắm, cá khô, rau cải, thỉnh thoảng có bán cả thịt bò, thịt heo...

Tháng 7-1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Mátxcova đề ra nhiệm vụ trước mắt của nhân dân thế giới là thống nhất hàng ngũ, lập mặt trận dân chủ rộng rãi gồm các đảng phái yêu nước, dân chủ và tiến bộ để thống nhất hành động chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

Tại Pháp, sau thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4-1936, Chính phủ mặt trận nhân dân Pháp thi hành một số quyền lợi cho quần chúng lao động trong nước và các nước thuộc địa. Tại Đông Dương, thực dân Pháp không dám thẳng tay đàn áp phong trào quần chúng như trước. Diễn biến mới này tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

Trước sự chuyển biến mới của cách mạng, Trung ương

Đảng tiến hành Hội nghị lần thứ I và chủ trương: “tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phát xít và bọn phản động thuộc địa Pháp, giành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, chống phát xít xâm lược và bảo vệ hòa bình thế giới”. Về phương pháp đấu tranh “triệt để lợi dụng những khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp để tuyên truyền tổ chức quần chúng, đồng thời củng cố và phát triển tổ chức bí mật của Đảng... đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng”¹.

Cuối năm 1936, Đảng chủ trương: triệt để lợi dụng những khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tuyên truyền, tổ chức quần chúng, đồng thời củng cố và phát triển tổ chức Đảng và tổ chức Mặt trận dân chủ, tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng. Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một² chủ trương: “Ổn định tổ chức chi bộ, tổ chức và vận động quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, thông qua đó giáo dục phát triển đội ngũ cách mạng công hội, nông hội, ủy ban hành động”³.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, tại các đồn điền cao su ở Chơn Thành, Hớn Quản, các tổ chức cơ sở cũ của công nhân được củng cố, một số tổ chức cơ sở mới được

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sông Bé: *Lịch sử Đảng bộ Sông Bé (1930-1954)*, tr.102.

2. Đầu năm 1936, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy, đồng chí Trương Văn Nhâm, Xứ ủy viên và đồng chí Trương Văn Bang đứng ra thành lập Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một gồm 5 đồng chí (4 nam, 1 nữ) do đồng chí Trương Văn Nhâm làm Bí thư.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sông Bé: *Lịch sử Đảng bộ Sông Bé (1930-1954)*, tr.103.

hình thành, đóng vai trò nòng cốt trong cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ. Đi đôi với việc củng cố và phát triển cơ sở, nhiều cán bộ trong cơ sở đã xuống tận các thôn ấp, vận động quần chúng tham gia cách mạng. Cuộc vận động dân chủ đã giành được thắng lợi bước đầu. Bọn chủ đồn điền buộc phải làm nhà y tế, nhà cho gia đình công nhân, mở thêm cửa hàng bán hàng tạp hóa, giảm bớt đánh đập, công bố giờ làm việc không quá 10 giờ/ngày...

Bước vào năm 1937, tại các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Quán Lợi... anh em công nhân cử đại biểu vào hội ái hữu và đưa nhiều bản kiến nghị, trong đó nêu rõ các yêu cầu giải quyết những việc thiết thực về ăn, ở, trị bệnh, giờ làm việc đúng luật lao động, hết hợp đồng được về quê cũ, tự do lập nghiệp đoàn, tự do hội họp và tự do ngôn luận...

Ngày 13-3-1937, giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang diễn ra sôi nổi, Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng tại Hóc Môn. Trong công tác vận động quần chúng, Nghị quyết nêu rõ: Vận động quần chúng ủng hộ các cải cách, tiếp tục đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thân hàng ngày.... Tổ chức các tầng lớp xã hội vào các hội công khai hợp pháp, không lấy tên công hội đỏ, hay nông hội đỏ mà lấy tên công hội và nông hội, có thể lấy tên hội ái hữu, hội cúng tế bao gồm cả những người lao động, cố, bần, trung nông.."¹. Tại

1. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng, tập I (1920 -1945)*, tr.405.

Thủ Dầu Một, tháng 3-1937, Nghị quyết Trung ương Đảng được phổ biến xuống tận các chi bộ và các tổ chức công hội, nông hội...

Ở Chợ Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh, thông qua hoạt động của các hội, phong trào đấu tranh của công nhân cũng lên mạnh. Ngày 22-12-1938, hơn 300 công nhân cao su Lộc Ninh do Hội ái hữu đứng ra tổ chức tiến hành bãi công đưa yêu sách. Cuộc bãi công được công nhân tại các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Quản Lợi ủng hộ.

Đầu năm 1939, nguy cơ Chiến tranh thế giới thứ hai càng tới gần, bọn phản động thuộc địa tăng cường bắt lính, thu thuế cao, nâng giá sinh hoạt lên gần 40%, làm cho đời sống nhân dân càng khó khăn. Trước tình hình ấy, ngày 28-3-1939, Trung ương Đảng ra tuyên ngôn kêu gọi “Toàn dân thống nhất hành động, tham gia Mặt trận dân chủ Đông Dương, đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, đề phòng bọn thân Nhật...”.

Ngày 1-9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ra lệnh giải tán và tịch thu tài sản của các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn và bắt đầu cuộc khủng bố ác liệt đàn áp các lực lượng cách mạng. Thời kỳ vận động dân chủ, hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp chấm dứt. Cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kỳ mới.

II. CHƠN THÀNH TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THÁNG 8-1945

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, tại Việt Nam, thực dân Pháp thiết lập chế độ quân nhân phát xít tàn bạo và tiến hành đại khủng bố. Chúng ban bố lệnh tổng động viên, tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cho chiến tranh đế quốc... Trước tình hình đó, ngày 6 tháng 11 năm 1939, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ VI tại Bà Điểm (Hóc Môn). Hội nghị quyết định: Chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, chuẩn bị những điều kiện để tiến tới tổng khởi nghĩa, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, trong cả nước, nhiều cuộc đấu tranh liên tiếp diễn ra. Ngày 27 tháng 9 năm 1940, khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ. Ngày 23 tháng 11 năm 1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ. Tại Thủ Dầu Một, Tỉnh ủy tích cực đẩy mạnh công tác vận động quần chúng nổi dậy.

Ở Chơn Thành, năm 1941, Pháp đóng thêm một đồn lính mới gọi là đồn lính Gạcđơxi (Gardecivile) tại ngã tư Chơn Thành, làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ rừng, khai thác tài nguyên và bảo vệ con đường 13 từ Thủ Dầu Một lên Lộc Ninh. Đồng thời, chúng cấu kết chặt chẽ với bọn tay sai, đàn áp bóc lột nhân dân rất thậm tệ, chúng lập

thẻ thuế thân, bắt mỗi người từ 18 tuổi trở lên đều phải có và trong 5 năm thay thẻ một lần. Mức thuế mỗi người phải đóng là 4 đồng/một năm (trong khi giá lúa chỉ có 35 xu/một giạ). Ngoài thuế thân, người dân còn phải chịu nhiều thứ thuế vô lý khác như: thuế chợ, thuế rẫy, thuế nhà... Cùng với vợ vét, bóc lột, chúng tăng cường bắt thanh niên đi lính.

Bị áp bức bóc lột nặng nề, nhân dân Chơn Thành chất chứa trong lòng ý chí căm thù giặc mãnh liệt, sẵn sàng vùng lên chiến đấu khi có thời cơ đến. Nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra ở Chơn Thành, Hớn Quản như: Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch... có lực lượng tự vệ tham gia hỗ trợ, tạo điều kiện cho công nhân đấu tranh chống lại sự bóc lột tàn bạo của bọn chủ tư bản Pháp.

Năm 1942, để tránh sự khủng bố, truy lùng của giặc sau khởi nghĩa Nam Kỳ, tại Chơn Thành, Hớn Quản nhiều cán bộ, đảng viên như: đồng chí Lê Đức Anh, Nguyễn Xanh, Nguyễn Văn Tảng đã chuyển về hoạt động trong các đồn điền cao su và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Nhờ đó mà phong trào đấu tranh của công nhân cao su và đồng bào trong các buôn sóc được đẩy mạnh, các cơ sở cách mạng được xây dựng và phát triển.

Bước sang năm 1943, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một được tổ chức lại tại Dầu Tiếng do đồng chí Văn Công Khai làm Bí thư. Tổ chức Mặt trận Việt Minh của tỉnh cũng được thành lập. Lúc này, Tỉnh ủy chủ trương: nơi nào đã phục hồi cơ sở Đảng thì tổ chức các hội cứu quốc, sau đó phát triển đến các nơi khác. Tỉnh cũng phân chia

lại địa bàn hoạt động: vùng công nhân cao su, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở quận Hớn Quản (nay là 2 huyện Bình Long và Lộc Ninh); vùng rừng núi phía Bắc, vùng đồng bào nông dân, thợ thủ công, trí thức, công chức ở các quận Bến Cát, Chơn Thành, Lái Thiêu và vùng đồng bằng, trong đó trung tâm là vùng phía Nam và thị xã Thủ Dầu Một. Tại Chơn Thành, Hớn Quản theo sự phân công của Tỉnh ủy, các đồng chí Lê Đức Anh, Nguyễn Văn Chung và nhiều cán bộ đảng viên khác chuyển hẳn về hoạt động, tiến hành xây dựng cơ sở cách mạng, nhằm phục hồi phong trào quần chúng ở đây.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ở các địa phương bắt tay ngay vào việc thành lập các hội cứu quốc như: công nhân cứu quốc, nông dân cứu quốc, hội truyền bá quốc ngữ... Cuối năm 1944, điều lệ Việt Minh được phổ biến sâu rộng trong công nhân và đồng bào vùng Chơn Thành, Hớn Quản, các hội cứu quốc ra đời, hoạt động ngày càng mạnh, phần lớn công nhân các đồn điền đều gia nhập tổ chức công nhân cứu quốc. Sau khi được thành lập, hội viên các hội cứu quốc tích cực vận động đồng bào tham gia hội để đấu tranh chống lại Pháp, Nhật và chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Đêm 9-3-1945, Nhật tiến hành cuộc đảo chính lật đổ nền thống trị của Pháp ở Đông Dương. Chỉ “chưa đầy 2 giờ sau, phần lớn lực lượng vũ trang của Pháp đã bị tiêu diệt hoặc bị bắt làm tù binh”¹. Tại Thủ Dầu Một, chính

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sông Bé: *Lịch sử Đảng bộ Sông Bé (1930-1954)*, tr.169.

quyền thực dân Pháp phải nộp súng đầu hàng quân phát xít Nhật.

Sau khi hất cẳng Pháp, Nhật ra sức xây dựng bộ máy cai trị, chúng giữ nguyên hệ thống tổ chức hành chính cũ. Tính trong toàn tỉnh có tất cả 4 quận (Lái Thiêu, Châu Thành, Bến Cát, Hớn Quản) và 12 tổng gồm 6 tổng người Việt (Bình Chánh, Bình Điền, Bình Hưng, Bình Thạnh Thượng, Bình Thiện, Bình Thổ) và 6 tổng người dân tộc thiểu số (Cửu An, Lộc Ninh, Minh Ngãi, Phước Lễ, Quản Lợi, Thạch An) cùng 128 làng gồm 78 làng người Việt và 50 làng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhật cho triển khai trung đoàn bộ binh chiếm đóng các vị trí quan trọng về quân sự, kinh tế, chính trị tại thị xã, thị trấn và các đồn điền cao su lớn trong toàn tỉnh.

Ở Chơn Thành, Hớn Quản, Nhật đưa đám người Việt tay sai lên làm quận trưởng, quận phó, chúng dựng lại toàn bộ các ban tề. Cùng với việc xây dựng và củng cố bộ máy cai trị, quân phiệt Nhật còn ra sức vơ vét về kinh tế nhằm nuôi dưỡng và kéo dài chiến tranh, chúng dựng lên hệ thống kho tàng trong rừng cao su thuộc các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Quản Lợi, ... tích trữ cả chục ngàn tấn lương thực, thực phẩm, dược liệu, nguyên vật liệu mà chúng thu mua theo kiểu ăn cướp ở nhiều tỉnh Nam Kỳ. Bên cạnh đó, để tăng cường bóc lột nhân dân, phát xít Nhật còn định mức thuế rất cao đối với các thứ thuế và bắt nhân dân trong vùng phải nộp đúng kỳ hạn, nếu không chấp hành thì chúng sẽ bắt giam hoặc bắt đi lao dịch.

Tại Chợ Thành, chúng bắt hàng trăm dân phu đi phục vụ cho quân đội, làm việc từ 10 đến 12 giờ/ngày, phải tự lo việc ăn uống và bị bọn lính đánh đập tàn nhẫn... Chúng cho 6 nhà chỉ được dùng chung một con dao; chúng bắt đi xa phải làm việc rất cực nhọc và phải chịu nhiều đòn roi. Chúng cướp lúa của nhân dân ta đem về đốt thay cho củi ở các nhà đèn, trong khi nhân dân phải chịu cảnh cơ cực, đói rách không sao tả xiết. Dã man hơn, chúng thủ tiêu tất cả những người đi đào hầm chôn giấu các loại vũ khí, các mặt hàng chiến lược để bảo đảm bí mật.

Bộ mặt tàn bạo của phát xít Nhật, tình cảnh vô cùng khó khăn của quần chúng do Nhật tạo ra làm cho các tầng lớp nhân dân Chợ Thành, Hớn Quản nhận thấy rằng: kẻ thù không phải là da trắng hay vàng mà là sự tàn bạo, dã man của chúng đối với nhân dân. Chính cảnh đói khát, chết chóc diễn ra hằng ngày, hằng giờ của các tầng lớp nhân dân trong vùng đã tạo ra lòng căm thù và họ sẵn sàng đứng lên một khi có thời cơ đến.

Trước tình hình Nhật đảo chính hất cẳng Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng đánh giá tình hình và đề ra chủ trương “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của ta”, thay đổi khẩu hiệu “*Đánh đuổi Nhật - Pháp*” bằng “*Đánh đuổi phát xít Nhật*”, vì lúc này “kẻ thù duy nhất trước mắt của nhân dân Việt Nam chính là phát xít Nhật”. Đảng phát động cao trào “kháng Nhật, cứu nước”, gấp rút tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

- Tháng 3 năm 1945, Ban cán sự Đảng tỉnh Thủ Dầu Một họp Hội nghị quán triệt chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và đề ra chủ trương cấp bách chuẩn bị khởi nghĩa. Hội nghị khẳng định: Phải đẩy mạnh công tác phát triển Đảng và hội cứu quốc, lập ra đội tự vệ và sắm sửa vũ khí để giành chính quyền cách mạng trước khi quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật. Tại các huyện trong tỉnh, tài liệu, chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng với nhiều nội dung phong phú và cụ thể, nhất là các tài liệu về cách thức tổ chức và hoạt động của các hội cứu quốc, về cách tổ chức, huấn luyện chiến đấu và chỉ huy các đội tự vệ, du kích... đã được đưa xuống đến tận các cơ sở.

Tháng 6-1945, Ở Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh, công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền được đẩy mạnh, đặc biệt là sau khi đồng chí Lê Đức Anh dự Hội nghị ở tỉnh về trực tiếp tổ chức công tác chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa. Hàng loạt các tổ chức đoàn thể, thanh niên ra đời và bắt đầu hoạt động công khai như tổ chức Thanh niên Tiên phong, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Công nhân Cứu quốc và các đội tự vệ – lực lượng vũ trang của công nhân.

Tại Hưng Cai (Hiệp Thạnh) tháng 8-1945, một đơn vị Thanh niên Tiên phong được thành lập do anh Cúc và Lê Văn Trí lãnh đạo. Sau khi thành lập, các đồng chí tích cực vận động bà con trong vùng tiến hành công tác binh vận, kêu gọi anh em binh lính Việt trong quân đội Nhật quay lại với cách mạng, tiến hành cướp súng Nhật

để tự trang bị cho mình, một số đội viên đã cướp được 6 khẩu súng.

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền cũng lan rộng trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Tháng 5-1945, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của hai đồng chí Nguyễn Văn Trung và Lê Đức Anh, một nhóm hội được thành lập mang tên “Hội người Việt Nam mới” gồm nhiều giáo viên ở Chơn Thành và Lộc Ninh, có cả giáo viên người dân tộc thiểu số, tất cả khoảng 40 người, trang bị cung tên, giáo gươm và khoảng 6 cây súng trường súng săn, sẵn sàng tham gia vào các hoạt động chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Giữa lúc công cuộc chuẩn bị tổng khởi nghĩa đang được xúc tiến khẩn trương trong huyện, thì được tin phát xít Đức đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện ở châu Âu. Cùng lúc đó, tin tức về sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Việt Minh khắp 3 miền trong nước, làm nức lòng nhân dân ở khu vực Chơn Thành, Hớn Quản cũng như trong tỉnh Thủ Dầu Một.

Trước những chuyển biến mới của cách mạng, Đảng bộ tỉnh Thủ Dầu Một chỉ đạo: tập trung hơn nữa toàn lực để chống Nhật và bè lũ tay sai, vượt qua mọi sự chống phá của địch, gấp rút chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tổng khởi nghĩa. Tại Chơn Thành, Hớn Quản, các tổ chức Thanh niên Tiền phong, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Công nhân Cứu quốc và các đội tự vệ – lực lượng vũ trang của công nhân đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền công khai, tổ chức các cuộc diễn thuyết chính trị. Hầu hết đoàn viên trong các tổ chức Thanh niên Tiền

phong, Thanh niên Cứu quốc đều tự trang bị gậy tầm
vông, dao găm, luyện tập đánh võ... Lực lượng này được
giao nhiệm vụ giữ gìn trật tự xóm ấp, đồn điền, nhà
máy, thị trấn và bảo vệ các cuộc họp, mít tinh, diễn
thuyết.

Tiếp đó, ngày 13-8-1945, tin phát xít Nhật đầu hàng
Liên Xô và các nước Đồng minh truyền đi khắp nơi trong
toàn quốc, đã thổi bùng nên ngọn lửa cách mạng trong
tất cả các tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh phong trào cách
mạng lên cao.

Ngày 13-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng
họp quyết định phát động tổng khởi nghĩa và thành lập
“Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc”. Bản “Quân lệnh số 1”
báo giờ khởi nghĩa đã tới, tất cả đồng bào, chiến sỹ cả
nước nhanh chóng vùng dậy giành chính quyền.

Ngày 16-8-1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập, đề
ra chủ trương “lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy
tước vũ khí của Nhật trước khi quân Đồng minh vào
Đông Dương, giành lấy chính quyền từ tay Nhật, lật đổ
bọn bù nhìn tay sai của Nhật, đứng ở vị trí làm chủ đất
nước mình mà tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp
quân Nhật trên đất Đông Dương”. Chủ tịch Hồ Chí Minh
chỉ rõ “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến.
Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải
phóng cho ta”.

Ngày 17-8-1945, Xứ ủy Nam Kỳ cũng họp và quán
triệt Nghị quyết của Đảng, đề ra chủ trương mới cho

toàn vùng và những công việc cấp bách sau khi giành được chính quyền.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương và Xứ ủy Nam Kỳ, ngày 20-8-1945, cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng tại Giếng Mây, xã Hiệp Thạnh do đồng chí Văn Công Khai chủ trì được triệu tập. Hội nghị chủ trương thành lập Ủy ban Khởi nghĩa do đồng chí Văn Công Khai phụ trách, đồng thời nhanh chóng thành lập các Ủy ban Khởi nghĩa tại các cơ sở trong toàn tỉnh. Hội nghị cũng xác định, ngày 25-8-1945, tập trung lực lượng toàn tỉnh giành chính quyền tại thị xã; các thị trấn, đồn điền cao su cũng đồng loạt khởi nghĩa, hoặc sớm hơn tùy tình hình cụ thể.

Về phương thức đấu tranh, Hội nghị xác định: “Hết sức tránh những vụ khiêu khích của địch, nếu trong cuộc khởi nghĩa mà chúng chống lại thì phải sử dụng lực lượng tự vệ chiến đấu và huy động quần chúng tích cực đấu tranh. Nhưng trong bất kỳ tình huống nào cũng phải giành chính quyền thắng lợi, coi đó là nguyên tắc cao nhất của cách mạng”¹.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban Khởi nghĩa, ngày 25-8-1945, nhân dân quận Hớn Quản, Chơn Thành nhất tề nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở hầu khắp các khu vực trong quận, đặc biệt là từ các thị

1. Đảng bộ huyện Bình Long: *Bình Long truyền thống đấu tranh và xây dựng 1930-2000*, Ban Thường vụ Huyện ủy Bình Long xuất bản năm 2002, tr.48.

trấn đến các xã, ấp, với khí thế tiến công sôi sục. Tại thị trấn Chơn Thành, tuy phong trào cứu quốc mới phát triển, lại ở cách xa thị xã, việc liên lạc với Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh rất khó khăn, song khởi nghĩa vẫn được tiến hành cùng ngày với các quận trong tỉnh.

Ngày 25-8-1945, lực lượng Thanh niên Tiền phong Chơn Thành do ông Địch, ông Ung bí mật tiến hành phục kích cướp súng Nhật, phát động quần chúng nổi dậy chiếm trụ sở và nơi làm việc của bộ máy tay sai Nhật. Trước sức mạnh của cuộc khởi nghĩa, bọn sĩ quan, binh lính Nhật canh gác trong các đồn bót, kho tàng với hàng trăm cây súng đều lo cổ thủ mà không dám chống cự, hầu hết bọn chủ đồn điền và bọn tay sai Nhật đều run sợ, vội vàng giao lại chính quyền cách mạng cũng như nhà xưởng, kho tàng, máy móc, đồn điền cho nhân dân.

Tại các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch sáng ngày 25-8-1945, công nhân nổi dậy tổ chức mítting, rồi chuyển sang biểu tình. Với vũ khí tự trang bị như: xẻng, cuốc, thuổng, gậy gộc, xà beng, kìm, búa, có cả súng trường và lựu đạn, họ kéo nhau đi chiếm nơi ở và làm việc của bọn chủ tư bản, giành lại quyền làm chủ đồn điền. Đồng thời, kéo tới vây các đồn bót có lính Nhật chiếm đóng. Các đại biểu công nhân hùng dũng tiến vào tận sào huyệt địch, tuyên bố cho chúng biết mục tiêu của mình là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giành lại độc lập và tự do, yêu cầu bọn Nhật giao trả lại quyền quản lý các đồn điền cho công nhân.

Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các tổ chức Hội cứu quốc và Thanh niên Tiền phong kết hợp với đồng bào người dân tộc thiểu số ở các sóc đứng lên giành chính quyền. Trước sức mạnh của đồng bào các dân tộc thiểu số, bọn cai tổng không có một hành động chống đối nào, có nơi chúng bỏ việc từ mấy ngày trước trốn về nhà để tránh sự tấn công của quần chúng cách mạng.

Hòa chung với cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn tỉnh, ngay sau khi giành chính quyền thắng lợi ngày 25-8-1945, Ủy ban Khởi nghĩa quận Hớn Quản cử 100 công nhân tại các đồn điền cao su trong quận và 50 công nhân người dân tộc thiểu số có trang bị vũ khí kéo xuống thị xã Thủ Dầu Một tham gia tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại tỉnh lỵ. Bọn Nhật tại địa phương không cho đem vũ khí về tỉnh, phải để lại ở quận, vì chúng sợ công nhân và người dân Chơr Thành sẽ tấn công vào quân Nhật ở tỉnh lỵ. Đồng chí Lê Đức Anh hướng dẫn anh em công nhân và đồng bào dân tộc thiểu số cho súng vào bao tải, chuyển đi bằng xe lửa và xe Camnhông xuống trước, có người áp giải cùng đi, khi đến tỉnh lỵ mới bung vũ khí ra trang bị cho lực lượng ta tham gia cướp chính quyền ở tỉnh lỵ. Đến 16 giờ cùng ngày, tỉnh lỵ Thủ Dầu Một giành được chính quyền về tay nhân dân.

Khắp nơi, chính quyền cách mạng các cấp được thành lập. Tại quận Hớn Quản, Ủy ban cách mạng do đồng chí Tốt làm Chủ tịch. Các tổ chức chính trị và quân sự khác của địa phương được hình thành như Quân bộ Việt Minh,